

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Kính gửi: Hội đồng xét duyệt sáng kiến Trường Tiểu học Giồng Găng

1. Tôi (chúng tôi) ghi tên dưới đây:

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác (hoặc nơi thường trú)	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ (%) đóng góp vào việc tạo ra sáng kiến (ghi rõ đối)
01	Kim Trần Phương Minh	10/7/1988	Trường Tiểu học Giồng Găng	Giáo viên dạy lớp	ĐH GDTH	100%

2. Là tác giả (nhóm tác giả) đề nghị xét công nhận sáng kiến: **Một số biện pháp nâng cao năng lực toán học về số tự nhiên cho học sinh lớp 1A3 Trường Tiểu học Giồng Găng**

3. Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến (trường hợp tác giả không đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến): Kim Trần Phương Minh Trường Tiểu học Giồng Găng

4. Lĩnh vực áp dụng sáng kiến: Giáo dục

5. Ngày sáng kiến được áp dụng lần đầu hoặc áp dụng thử, (ghi ngày nào sớm hơn): ngày 05/9/2024

6. Mô tả bản chất của sáng kiến:

Một số biện pháp nâng cao năng lực toán học về số tự nhiên cho học sinh lớp 1A3 Trường Tiểu học Giồng Găng, áp dụng thực hiện phục vụ công tác giảng dạy tại trường Tiểu học **Giồng Găng**. Nội dung sáng kiến có tính khả thi, có thể áp dụng cho tất cả các trường trong huyện và trong tỉnh.

6.1. Tình trạng của giải pháp đã biết:

a) Mô tả đầy đủ, chi tiết tình trạng kỹ thuật hoặc phương pháp tổ chức sản xuất, công tác, tác nghiệp hiện tại (thường làm) trước khi thực hiện những giải pháp mới (mô tả chi tiết các bước/quy trình thực hiện nhiệm vụ).

Môn Toán ở lớp 1 giữ vai trò hết sức quan trọng, bởi môn Toán cung cấp cho các em những kiến thức đầu tiên, là cơ sở cho việc phát triển kỹ năng tính toán, tư duy logic và giải quyết vấn đề, tạo nền tảng cho sự thành công trong tương lai, nâng cao khả năng suy nghĩ trừu tượng, giúp học sinh nhanh chóng hoàn thiện mình về phẩm chất, đạo đức cũng như là kiến thức. Trong các hoạt động học tập toán Tiểu học, tổ chức cho học sinh học số tự nhiên là một hoạt động rất quan trọng. Ở đây, kiến thức số học gồm các kiến thức ban đầu về số và các phép tính. Trong đó, chủ yếu học sinh được học về số tự nhiên vì đây là phần kiến thức cơ bản nhất, thông qua các số đã học, học sinh mới có thể thực hiện các thao tác tính toán khác.

Năm học 2024-2025, là năm học thứ bảy tôi được phân công giảng dạy lớp 1. Năm học này, lớp 1A3 của tôi có 30 học sinh. Qua nhận bàn giao từ Trường Mầm non Giồng Găng, tôi biết được lớp có 02 học sinh thuộc diện hộ nghèo, 05 học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Mặc dù có nhiều năm kinh nghiệm giảng dạy nhưng bản thân vẫn còn trăn trở về tình hình học tập của học sinh. Dựa vào kết quả nhận xét thường xuyên, đánh giá định kì, tôi nhận thấy kiến thức về số tự nhiên của các em đạt kết quả chưa cao, làm bài còn sai sót nhiều về tính toán; còn mắc lỗi khi phân tích cấu tạo số và sắp xếp các số theo thứ tự lớn dần, bé dần; Các lỗi còn lại về nhận biết số lượng, nhận biết thứ tự, so sánh các số, các em sai ít, không đáng ngại, ít nhất là lỗi sai về so sánh các số.

Vào đầu năm học, sau khi tựu trường khoảng một tháng, dựa vào kết quả yêu cầu cần đạt của nội dung số tự nhiên, bước đầu đánh giá trình độ tiếp thu của học sinh, để tiện theo dõi và giảng dạy, tôi tiến hành phân loại học sinh theo các tiêu chí sau: Đọc viết số tự nhiên tốt, đọc viết số tự nhiên được, đọc viết số tự nhiên chưa được.

Kết quả tôi thu được như sau:

Tổng số học sinh	Số HS đọc viết số tự nhiên tốt		Số HS đọc viết số tự nhiên được		Số HS đọc viết số tự nhiên chưa được	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
30	5	16,7%	18	60%	7	23,3%

Bảng 1: Kết quả trước khi thực hiện giải pháp

+ Qua bảng số liệu tôi thu về kết quả như sau: số học sinh đọc viết số tự nhiên tốt chiếm tỉ lệ 16,7%, số học sinh đọc viết số tự nhiên được chiếm tỉ lệ 60%; số học sinh đọc viết số tự nhiên chưa được chiếm tỉ lệ 23,3%.

Bản thân tôi nhận ra muốn khắc phục những hạn chế và nâng cao chất lượng dạy học trước hết người giáo viên phải đổi mới tư duy và phương pháp dạy học, phải có lòng yêu nghề, luôn luôn tìm tòi cách giảng dạy sao cho dễ hiểu nhất đến học sinh, tích cực chủ động tổ chức hoạt động trải nghiệm, gây hứng

thú học tập cho các em hơn nữa. Phải có sự kết hợp chặt chẽ với gia đình học sinh, giúp học sinh hiểu rõ tầm quan trọng của việc học. Không dừng lại ở đó, người giáo viên cần phải lựa chọn, phối hợp sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học sao cho phù hợp với nội dung từng bài, với từng đối tượng học sinh, tạo điều kiện cho các em chủ động tìm tòi và lĩnh hội kiến thức. Học sinh lớp 1 rất thích được khen. Lời khen kịp thời sẽ giúp các em có hứng thú học tập và mau tiến bộ. Do vậy, giáo viên phải biết động viên khuyến khích các em kịp thời, giúp các em tự tin trong học tập.

b) Nêu, phân tích rõ những ưu, nhược điểm, thuận lợi, khó khăn của giải pháp kỹ thuật hoặc giải pháp tổ chức sản xuất, công tác, tác nghiệp hiện đang được áp dụng tại cơ quan, đơn vị hoặc trong lĩnh vực công tác mình đảm nhiệm và phân tích nguyên nhân dẫn đến tình hình đó.

+ *Ưu điểm:*

- Nhà trường trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, thiết bị đồ dùng dạy học.
- Được sự quan tâm giúp đỡ hỗ trợ lãnh đạo nhà trường, tổ chuyên môn.
- Cha mẹ học sinh quan tâm, chăm lo đến việc học tập của con em mình.

+ *Nhược điểm*

- Trình độ học sinh không đồng đều: có em đã được học qua lớp Mẫu giáo, có em chưa bao giờ biết đến mặt chữ, sách vở trước khi vào lớp Một; có em chỉ dạy qua một lần, thậm chí chỉ nói sơ qua đã biết, nhưng cũng không ít học sinh giáo viên dạy đi dạy lại nhiều lần vẫn chưa hiểu hoặc hiểu rồi lại quên ngay.

- Thời gian dành cho các tiết trải nghiệm thực tế chưa được nhiều và một số học sinh chưa được tham gia thật sự hào hứng khi tham gia các hoạt động.

6.2. Nội dung của giải pháp đề nghị công nhận là sáng kiến: (Nêu rõ các nội dung sau)

a) Mục đích của giải pháp

Nâng cao năng lực toán học về số tự nhiên cho học sinh lớp 1A3 Trường Tiểu học Giồng Găng

b) Tính mới của giải pháp (đôi với giải pháp mới hoàn toàn) hoặc những điểm khác biệt, tính mới của các giải pháp so với các giải pháp đã biết (đối với các giải pháp có sự cải tiến đối với các giải pháp đã có).

*** Biện pháp 1: Nâng cao năng lực sử dụng đồ dùng dạy học khi dạy cách lập các số trong phạm vi 10**

Có thể nói ở lớp 1, nếu không có đồ dùng học tập thì không thể dạy học các số với đúng ý nghĩa của nó được. Dạy học các số với đồ dùng trực quan chẳng những minh họa rất hiệu quả các nội dung, khái niệm về số, mà còn giúp đổi mới phương pháp dạy học, tạo môi trường hoạt động tích cực cho học sinh. Bởi vậy, khi hình thành các số tự nhiên trong phạm vi 10, giáo viên cần có đồ

dùng trực quan đa dạng, phong phú, khoa học để giúp các em dễ dàng tiếp thu và khắc sâu kiến thức.

Chẳng hạn: khi hình thành số 5, giáo viên có thể đưa ra một số nhóm đồ vật: số con chuồn chuồn, số chấm tròn, số chùm nho, số quả táo, số con chim, ... có số lượng là 5 để hình thành số 5. (có thể sử dụng mô hình, vật thật để minh họa cho nhóm số lượng để hình thành số mới).

Lưu ý, khi dạy các số từ 1 đến 5 cần tận dụng kinh nghiệm của trẻ. Trẻ ở mẫu giáo hoặc ở gia đình, ít nhiều đã được làm quen hoặc biết các số từ 1 đến 5. Để dạy các số đầu tiên này nhanh hơn, cần tránh lạm dụng nhiều tranh ảnh, rút ngắn thời gian lập số và tăng thời gian luyện tập.

Khi thực hiện biện pháp này, giáo viên cần thường xuyên kiểm tra cách đọc, viết số, nhận biết thứ tự các số (đọc xuôi, đọc ngược) để kịp thời uốn nắn, sửa chữa.

*** Biện pháp 2: Giúp học sinh phát triển năng lực đọc, viết số tự nhiên trong phạm vi 100**

Qua nhiều năm kinh nghiệm, bản thân nhận thấy muốn cho học sinh học tốt nội dung số tự nhiên ngoài việc tổ chức các trò chơi học tập thì càng phải chú trọng việc luyện phát âm và luyện viết đúng số, tên số cho học sinh. Không phải chờ đến môn Tiếng Việt mới luyện phát âm, rèn chính tả mà kể cả tất cả các môn học trong chương trình lớp học, người giáo viên cần phải hết sức chú ý đến việc học sinh phát âm và viết. Trong đó, môn toán cũng vậy, nếu học sinh đọc không đúng thì tất nhiên sẽ viết sai, nếu học sinh viết sai thì sẽ không đảm bảo theo yêu cầu cần đạt.

Vì vậy, khi trang trí lớp học, bao giờ cũng dành riêng một góc để bố trí góc học số cho các em, góc học số sẽ có dãy số từ 1 đến 100; số điện thoại của cha mẹ học sinh, ngày sinh nhật của các em. Tôi xem đây là một phần đồ dùng dạy học được sử dụng trong các tiết tăng cường, giờ ra chơi phục vụ cho việc phụ đạo, bồi dưỡng học sinh.

Giáo viên phải hướng dẫn tỉ mỉ, sửa chữa các sai sót như viết ngược số, viết không đúng qui trình. Chú ý tập đếm thành thạo trong phạm vi 100. Thông qua việc tập đếm, học sinh biết cách xác định đúng số lượng của một tập hợp, từ đó hiểu được nghĩa thực của phép đếm và nắm được thứ tự, vị trí của từng số trong dãy số. Thường xuyên kiểm tra cách đọc, viết số; phân tích cấu tạo số; nhận biết số liền trước liền sau; sắp xếp các số theo thứ tự lớn dần, bé dần nhằm giúp học sinh nắm vững cách làm, được làm thường xuyên, liên tục chắc chắn các em sẽ không làm sai.

*** Biện pháp 3: Hướng dẫn học sinh cách so sánh đúng các số có hai chữ số**

Muốn học sinh so sánh đúng điều đầu tiên giáo viên cần hình thành cho học sinh khả năng quan sát, nhận diện số, cấu tạo số đúng, như số có 1 chữ số, số có hai chữ số,

...; Tiếp theo là tạo vấn đề để học sinh tự giải quyết: So sánh bằng cách nào? Làm thế nào để so sánh?

Trong hoạt động thực hành, luyện tập, giáo viên phải tổ chức cho học sinh tự nhận xét bài làm của mình và nhận xét bài làm của bạn để các em rút ra được và ghi nhớ được cách so sánh dễ dàng hơn.

Nên hướng cho học sinh cách so sánh như sau:

Cách 1: So sánh theo thứ tự từ trái sang phải:

- So sánh chữ số hàng chục trước.
- Nếu chữ số hàng chục bằng nhau thì so sánh tiếp chữ số hàng đơn vị.
- Nếu cả chữ số hàng chục và chữ số hàng đơn vị của các số đó đều bằng nhau thì các số đó bằng nhau.

Ví dụ: So sánh hai số 62 và 65

Ta thấy: $6 = 6$; ta so sánh tiếp 2 và 5. Vì $2 < 5$ nên $62 < 65$.

Cách 2: So sánh các số dựa vào thứ tự, vị trí của số.

Ví dụ: So sánh hai số 62 và 65

Theo dãy số tự nhiên được xếp theo thứ tự từ 0 đến 100. Vì 62 đứng trước 65 nên $62 < 65$. Hoặc 65 đứng sau 62 nên $65 > 62$

Tuy nhiên, đó cũng chỉ là phần lí thuyết giúp các em so sánh tốt các số có hai chữ số một cách trực tiếp. Còn phần thực hành, sách giáo khoa Toán 1 đã đưa ra các dạng bài so sánh các số có hai chữ số một cách gián tiếp như: Khoanh vào số lớn nhất (bé nhất); Sắp xếp các số theo thứ tự lớn dần, bé dần.

Nhưng dù bài tập ở dạng nào thì các em cũng có thể chuyển về dạng so sánh trực tiếp các số có hai chữ số như ở trên. Vì vậy, ở mỗi dạng bài tập khác nhau, giáo viên cũng cần có những biện pháp tích cực khác nhau và phương pháp dạy học phù hợp để các em làm bài đúng, tự tin và có cơ sở khoa học.

Ví dụ : Bài 4 (Sách giáo khoa Toán 1 – Trang 124)

Sắp xếp các số theo thứ tự

a) Từ bé đến lớn: 34; 76; 43

b) Từ lớn đến bé: 38; 33; 40

Với dạng bài tập này, giáo viên cần cho học sinh thấy được: Muốn viết được các số theo thứ tự lớn dần hay bé dần thì các em phải so sánh các số đó với nhau trước. Sau khi so sánh, các em nhận ra được số lớn nhất, số bé nhất để thực hiện viết lại theo yêu cầu của bài tập. Cụ thể, giáo viên phải giúp học sinh nhận ra được:

Câu a: + Ta thấy: $3 < 4 < 7$. Nên $34 < 43 < 76$.

Vậy thứ tự các số từ bé đến lớn là: 34, 43, 76.

Câu b: + Các số có chữ số hàng chục lần lượt là: 3, 3, 4

+ Ta thấy $4 > 3$. Nên $40 > 38$ và 33 .

Hai số 38 và 33 có chữ số đơn vị lần lượt là: 8 và 3. Vì $8 > 3$ nên $38 > 33$. Nên $40 > 38 > 33$.

Vậy thứ tự các số từ lớn đến bé là: 40, 38, 33. Với dạng bài tập này, giáo viên cho học sinh thấy: Muốn viết được các số theo thứ tự từ lớn đến bé hoặc từ bé đến lớn thì bắt buộc các em phải so sánh các số đó với nhau trước. Sau đó mới dựa vào kết quả so sánh để thực hiện viết các số theo thứ tự lớn dần hay bé dần.

*** Biện pháp 4: Giúp học sinh nâng cao năng lực đọc, viết thông qua hoạt động trải nghiệm**

Hình thức dạy học trải nghiệm thực tế là hình thức sinh động, tạo hứng thú học tập cho học sinh. Thông qua việc quan sát thiên nhiên, học sinh thêm yêu quý, có ý thức bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường sống. Nói đến hình thức dạy học trải nghiệm thực tế thường được áp dụng với các môn như Tự nhiên xã hội, Đạo đức, Hoạt động trải nghiệm, với môn Toán tôi áp dụng nhưng thường tôi chọn ở phần “Liên hệ và mở rộng”.

Ví dụ: Bài: “Số 6, 7, 8, 9, 10” Sau khi học xong kiến thức, đến phần “Liên hệ”, tôi cho các em ra sân trường, quan sát số bông hoa, cây cảnh, dãy nhà, phòng học thậm chí cả khu vệ sinh của học sinh, từ đó các em nêu số lượng tương ứng.



Ảnh minh họa: Giáo viên nêu câu thực hiện hoạt động trải nghiệm



Ảnh minh họa: Sản phẩm thực tế của học sinh

- Hay sau khi học xong bài: “Vị trí”, tôi cho các em ra sân xếp hàng, cùng nhau quan sát theo hướng đứng của mình để xác định bên trái con lớp nào? Bên phải con lớp nào? Trước và sau? Tuy nhiên để tổ chức thành công hình thức dạy

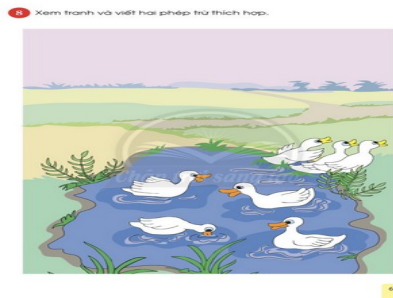
học này tôi cần có quy tắc nghiêm đối với học sinh để làm sao khi các em ra sân không được lộn xộn, nhanh chóng xếp hàng và thực hiện yêu cầu của giáo viên.

- Với cách tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp đã giúp học sinh tri giác một cách trực tiếp đối tượng và ghi nhớ tốt, không phải tri giác gián tiếp qua phương tiện dạy học. Các em vừa nâng cao hiệu quả quan sát, và tích lũy được nhiều tài liệu qua tri giác làm cơ sở cho tư duy.

* Biện pháp 5: Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy:

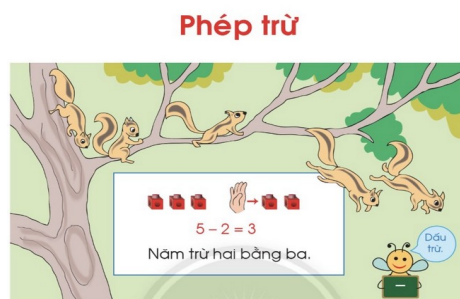
Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học là quá trình đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất công nghệ để đáp ứng nhu cầu làm việc, học tập của giáo viên và học sinh. Trong môi trường giáo dục, những thiết bị, công nghệ hiện đại đóng vai trò là công cụ hỗ trợ cho việc dạy và học các môn trong nhà trường rất hiệu quả. Đối với tôi việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học nhất là học sinh lớp 1 là rất cần thiết bởi thường các dữ liệu được đưa lên màn hình đều to hơn, thậm chí là sinh động hơn sách giáo khoa, giúp các em tri giác trực quan một cách tốt nhất. Trong quá trình dạy, tôi thường sử dụng bài giảng điện tử, máy tính, ti vi khi cần thiết.

Ví dụ: Bài phép trừ trong phạm vi 10. ở bài tập 8 trang 67: Để giúp học biết “Dưới ao còn bao nhiêu con vịt, các em quan sát trực tiếp trên màn hình, từ đó yêu cầu học sinh xác định dưới ao có tất cả bao nhiêu con vịt, đã lên bờ mấy con, còn lại mấy con vịt ở dưới ao? Giáo viên sẽ cho hiệu ứng di chuyển 3 con vịt từ dưới ao lên bờ. Học sinh sẽ dễ dàng nhận thấy được số vịt còn lại dưới ao và trả lời chính xác đáp án.



Qua đó tôi thấy các em không những đã nắm được nội dung bài học mà còn nắm rất chắc qua việc sử dụng các hiệu ứng có trong bài giảng.

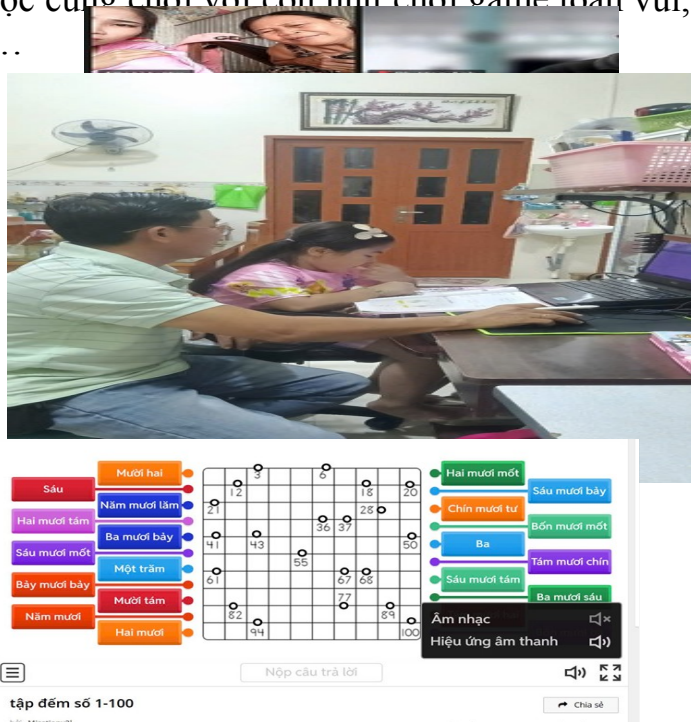
Ví dụ: Bài “Phép trừ” sách giáo khoa toán 1 trang 62. Có 5 con sóc trên cành, 2 con nhảy đi. Hỏi trên cành còn lại bao nhiêu con. Giáo viên sẽ cho học sinh quan sát lên màn hình và làm hiệu ứng di chuyển 2 con sóc rời khỏi cành cây, học sinh sẽ dễ dàng nhận ra trên cành chỉ còn lại 3 con sóc.



Thực hiện kế hoạch dạy học trực tuyến của nhà trường đã đề ra ở đầu năm học, bản thân tôi đã mạnh dạn tổ chức dạy học trực tuyến kết hợp với việc tổ chức cho cha mẹ học sinh dự giờ trực tuyến qua phần mềm zoom. Qua đây, cha mẹ dù làm việc ở xa cũng sẽ theo dõi được các hoạt động học của con em mình, từ đó biết cách dạy học sinh đếm, đọc, viết hoặc so sánh các số như thế nào.

Ảnh chụp Tiết dạy học môn Toán được cha mẹ học sinh dự giờ trực tuyến

Ngoài ra tôi còn kết hợp sử dụng các ứng dụng, phần mềm zalo, facebook, AI, ... để kịp thời hỗ trợ việc học của học sinh, kịp thời phản hồi các thông tin cho cha mẹ học sinh khi cần thiết. Qua đó tôi sẽ giới thiệu cho cha mẹ các em tải những chương trình học bổ ích hỗ trợ cho việc học của các em. Từ đó khắc phục được vấn đề các em mê sử dụng điện thoại vào chơi game, thay vào đó cha mẹ còn có thể cùng học cùng chơi với con như chơi game toán vui, toán cho trẻ em, luyện tính nhẩm,...



Ảnh chụp màn hình trò chơi tập đếm số

Sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học giúp học sinh tăng khả năng tư duy, tưởng tượng, thúc đẩy sự sáng tạo từ học sinh. Các em dễ dàng tiếp cận với kiến thức mới, linh hoạt hơn trong quá trình nghiên cứu, tìm tài liệu. Khởi dậy hứng thú, trí tò mò và khả năng tự giác trong học tập. Làm cho tiết học trở nên hấp dẫn, lôi cuốn học sinh.

c) Ưu, nhược, điểm của giải pháp mới: Trình bày rõ những ưu điểm và nhược điểm (nếu có) của giải pháp mới.

+ Ưu điểm:

- Đa số các em học sinh đều thích tham gia các hoạt động học tập môn toán.
- Hầu hết các em học sinh rất hăng hái và tích cực tham gia học.
- Tất cả các em đều rất tự tin trong giao tiếp, thể hiện bản lĩnh trước mọi người
- Đa số các em đều phát triển được kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng ra quyết định, và các hoạt động tập thể xử lý tình huống nhanh hiệu quả trong học tập.

+ Nhược điểm:

- Một vài học sinh còn chưa tập trung vào tiết học ngoài giờ.

7. Khả năng áp dụng của giải pháp: Trình bày về khả năng áp dụng vào thực tế của giải pháp tạo ra; có thể áp dụng cho những đối tượng, cơ quan, tổ chức nào.

- Khả năng áp dụng các giải pháp đã nêu trên tại đơn vị rất khả thi và mang lại hiệu quả cao trong việc tổ chức các hoạt động toán của nhà trường có ứng dụng công nghệ thông tin.

- Đa số các em học sinh đều dễ tiếp thu được kiến thức thông qua các hoạt động, cảm thấy thích thú hơn.

- Các biện pháp nêu trên không những áp dụng cho học sinh lớp 1 Trường Tiểu học Giồng Găng mà còn có thể áp dụng được ở tất cả các lớp Một trong toàn huyện, toàn tỉnh.

8. Hiệu quả, lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng giải pháp: theo ý kiến của tổ chức, cá nhân đã áp dụng sáng kiến (nếu có); và theo ý kiến của tác giả sáng kiến.

Kết quả học tập môn toán lớp 1A1 cuối năm học 2024-2025 như sau:

Kết quả

Tổng số HS	Số HS đọc viết số tự nhiên tốt		Số HS đọc viết số tự nhiên được		Số HS đọc viết số tự nhiên chưa được	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
30 em	19	63,3%	11	36,7%	0	0

Bảng 2: Kết quả sau khi thực hiện giải pháp

* Nhận xét: cuối năm học 2024-2025, số học sinh đọc viết số tự nhiên tốt 19 học sinh đạt 63,3%, số đọc viết số tự nhiên được 11 học sinh đạt 36,7%, không có học sinh đọc viết số tự nhiên chưa được.

Qua kết quả nêu trên, chúng ta thấy được năng lực về số tự nhiên của học sinh lớp 1A3 đã được phát huy rất tốt. Các em nhạy bén, hiểu bài mới nhanh và vận dụng kiến thức vừa học rất tốt vào các bài tập. Đó là một điều đáng lạc quan vì biện pháp bước đầu nghiên cứu thành công và mang lại hiệu quả cao.

Các giải pháp nêu trên đã bước đầu mang lại kết quả khả quan đáng kể. Không những hạ được tỉ lệ số học sinh làm sai các bài tập về phân tích cấu tạo số, so sánh số và sắp xếp các số lớn dần, bé dần, ... mà còn nâng cao được tỉ lệ học sinh đạt được nhận xét, đánh giá tốt về khả năng vận dụng môn học này (số học sinh hoàn thành tốt tăng cao).

9. Những thông tin cần được bảo mật (nếu có): không

10. Các điều kiện cần thiết để áp dụng sáng kiến:

- Nhà trường cần có cơ sở vật chất, dụng cụ học tập đầy đủ để đảm bảo cho các hoạt động trong tiết học.
- Được sự thống nhất và hỗ trợ nhiệt tình của Ban giám hiệu nhà trường.
- Các em học sinh phải mạnh dạn và thật sự yêu thích toán khi tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

11. Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tác giả:

Lợi ích thu được sau khi áp dụng sáng kiến: Các em học sinh cảm thấy thích thú với các hoạt động toán học được tổ chức vì đa số các em cảm thấy được những kiến thức, kỹ năng, bài học thu được thông qua các hoạt động của lớp. Các em sẽ nhớ được kiến thức lâu hơn và xử lý được các tình huống tốt hơn trong cuộc sống cũng như trong học tập. Các em được tương tác, được nhìn thấy các hình ảnh cũng như các video trong các buổi học. Chính điều đó đã giúp các em tiếp thu được kiến thức tốt hơn và tăng được các kỹ năng giải quyết vấn đề nhanh hơn.

12. Đánh giá lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến theo ý kiến của tổ chức, cá nhân đã tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu, kể cả áp dụng thử (nếu có)

13. Danh sách những người đã tham gia áp dụng thử hoặc áp dụng sáng kiến lần đầu (nếu có):

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi công tác (hoặc nơi thường trú)	Chức danh	Trình độ chuyên môn	Nội dung công việc hỗ trợ

Tôi (chúng tôi) xin cam đoan mọi thông tin nêu trong đơn là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Tân Hồng, ngày 27 tháng 03 năm 2025

NGƯỜI NỘP ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Kim Trần Phương Minh